

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 16 / 10 / 2018
“V/v tranh chấp về hôn nhân
và gia đình ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Ngọc Tiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Phan Thùy Trang;
2. Ông Nguyễn Văn Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Đại Nam, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Thái- Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 173/2018/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2018 về “tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 104/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1980, nơi cư trú: Số B, tổ C, khóm V, phường H, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang, có mặt;

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1985, nơi cư trú: Số B, tổ C, khóm V, phường H, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 11/5/2018 và các lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc T cho rằng: Ông T và bà C do mai mối nên đi đến hôn nhân, đăng ký kết hôn năm 2008 tại Ủy ban nhân dân xã H, thị xã Châu Đốc (nay là phường Vĩnh Ngươn, thành phố Châu Đốc). Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn vào khoảng năm 2009 do bất đồng quan điểm sống, cuộc sống chung không hòa hợp nên vợ chồng không còn chung sống với nhau. Tháng 8/2017, ông T có gửi đơn đến Tòa án để xin ly hôn

nhưng qua hòa giải của Tòa án ông T rút lại đơn khởi kiện để vợ chồng có thời gian hàn gắn tình cảm. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên ông T xin được ly hôn với bà C.

Về con chung: Quá trình chung sống có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Như Q, sinh ngày 03/01/2009. Cháu Như Q hiện đang sống cùng với bà C nên ông T giao con cho bà C tiếp tục nuôi dạy và cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng; Về tài sản chung, nợ chung không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị Kim C thống nhất với trình bày của ông T về thời gian và điều kiện đi đến hôn nhân, về con chung, tài sản chung và nợ chung.

Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn, bà C xác định thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, không xảy ra mâu thuẫn. Đến năm 2017, bà C phát hiện ông T có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác nên vợ chồng có cãi vã và xảy ra xô xát. Bà C cho rằng ông T đã vi phạm nghĩa vụ vợ chồng nhưng bà C vẫn mong muốn vợ chồng đoàn tụ, xây dựng gia đình hạnh phúc nên không đồng ý ly hôn. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn thì bà C có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dạy cho chung và đồng ý với mức cấp dưỡng mỗi tháng 2.000.000 đồng như ông T trình bày; về tài sản chung, nợ chung không có.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn ông T thừa nhận vào năm 2017 ông T có quen biết với người phụ nữ khác. Bởi lẽ, vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, ông T không còn tình cảm với bà C và vợ chồng cũng không còn chung sống với nhau nên ông T có quen với người phụ nữ khác. Mâu thuẫn vợ chồng nghiêm trọng và có nhiều thời gian để vợ chồng hàn gắn nhưng tình cảm vợ chồng không còn nên ông T cương quyết xin ly hôn với bà C.

Bị đơn bà C cho rằng từ khi vợ chồng chung sống với nhau bà C không vi phạm nghĩa vụ làm vợ; luôn làm tròn trách nhiệm người vợ, người mẹ, làm dâu trong gia đình và vợ chồng không xảy ra mâu thuẫn nhưng kể từ khi ông T có mối quan hệ với người phụ nữ khác nên bà C và ông T xảy ra cãi vã. Thấy rằng, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng không phải lỗi của bà C và bà C vẫn còn tình cảm với ông T. Hơn nữa, bà C có nguyện vọng vợ chồng hàn gắn tình cảm để cho con có một mái ấm gia đình trọn vẹn, mong muốn Hội đồng xét xử cho bà C một khoảng thời gian để vợ chồng hàn gắn tình cảm.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án tại phiên tòa: Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về phiên tòa sơ thẩm.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Hôn nhân giữa ông T, bà C có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

Ông T cho rằng vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, cuộc sống chung không hòa hợp, vợ chồng thường xuyên cãi vã.

Căn cứ kết quả xác minh, thu thập về tình trạng hôn nhân tại địa phương, từ gia đình của ông T thể hiện tình trạng hôn vợ chồng T, C không mâu thuẫn nghiêm trọng và ông T không cung cấp được chứng cứ chứng minh bà C vi phạm nghĩa vụ làm vợ, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Bên cạnh đó, bà C tha thiết được hàn gắn tình cảm vợ chồng để con có một mái ấm gia đình. Do đó, chưa đủ căn cứ cho ly hôn theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Vì vậy, việc ông T yêu cầu xin ly hôn bà C là không có cơ sở để chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

** Về tố tụng:*

[1] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Ông T khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà C. Đồng thời, bà C đăng ký hộ khẩu thường trú tại thành phố Châu Đốc. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

** Về nội dung:*

[2] Đối với quan hệ hôn nhân, ông T và bà C kết hôn trên cơ sở tự nguyện sau thời gian tìm hiểu, yêu thương nhau, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố Châu Đốc, An Giang; giấy chứng nhận kết hôn số 03/HT, quyền số 01/2008 ngày 10/01/2008 nên hôn nhân giữa các đương sự là hợp pháp, phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

Ông T cho rằng, thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến năm 2009 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cự cãi, cuộc sống chung không hòa hợp. Đến năm tháng 7 năm 2017, vợ chồng không còn chung sống với nhau và không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Qua thời gian dài sống xa cách và nhưng tình cảm đối với bà C không còn nên ông T yêu cầu được ly hôn bà C.

Bà C cho rằng vợ chồng làm nghề giáo viên, cuộc sống vợ chồng không xảy ra mâu thuẫn hay cãi vã. Đến năm 2017, ông T có quan hệ với người phụ nữ khác nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Bà C mong muốn vợ chồng hàn gắn tình cảm, bỏ qua những lỗi lầm của ông T nên không đồng ý ly hôn và có nguyện vọng đoàn tụ gia đình.

Tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”*.

Căn cứ vào kết quả xác minh tại chính quyền địa phương cũng như từ gia đình của ông T thấy rằng vợ chồng ông T, bà C chung sống không xảy ra mâu thuẫn, bà C không vi phạm nghĩa vụ của người vợ. Ông T cho rằng mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng do bất đồng quan điểm với bà C, cuộc sống chung không hòa hợp nhưng trong quá trình chuẩn bị xét xử ông T không đưa ra được chứng cứ chứng minh vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, không thể tiếp tục cuộc sống chung được nữa như theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Bên cạnh đó, lời khai của ông T tại phiên tòa thấy rằng trong thời gian hôn nhân còn tồn tại nhưng ông T có quen biết với người phụ nữ khác dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng. Để tạo điều kiện cho vợ chồng T, C có thời gian gắn kết, xây dựng lại gia đình, cùng nuôi dạy con chung và tạo điều kiện ổn định cho con ăn học, xét không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông T đối với bà C.

[3] Do không chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của ông T nên về con chung, tài sản chung và nợ chung không đề cập giải quyết.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Bà C không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

[1] Về quan hệ hôn nhân: Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Ngọc T về việc ly hôn với bà Nguyễn Thị Kim C.

[2] Về án phí: Ông Nguyễn Ngọc T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số TU/2015/0015273 ngày 16/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Châu Đốc; ông T đã nộp đủ án phí.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông T, bà C có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát TPCĐ (2);
- Tòa án tỉnh An Giang (1);
- Thi hành án DS TPCĐ (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Lê Ngọc Tiên